

LÊ ĐẠI HÀNH (981-1005)

Họ Lê, tên húy là Hoàn, người Ái Châu, làm quan nhà Đinh đến chức Thập đạo tướng quân. Quân Tống xâm lược đem quân ra chống cự, rồi thay nhà Đinh làm vua, ở ngôi 24 năm, thọ 65 tuổi (941-1006) băng ở điện Trường Xuân.

Vua trừ nội gian mà lấy được nước, đuổi giặc ngoài để yên dân, trong nước yên bình, Bắc Nam vô sự. Tiếc rằng không sớm chọn con nối, khiến cho con cái tranh nhau bên trong, dẫn đến mất ngôi; về đạo vợ chồng có nhiều điều đáng thẹn.

Lê Hoàn phế Đinh Toàn làm Vệ Vương - Hai năm sau 982 Lê Hoàn lấy Dương Thi làm vợ tôn là Đại Thắng Minh Hoàng Hậu, bà này là vợ của vua Đinh Tiên Hoàng, là mẹ của Vệ Vương Toàn. Về sau tục dân lập đền thờ gồm có 3 tượng : 1 là Lê Đại Hành, 2 Đinh Bộ Lĩnh, 3 Dương Thái Hậu đến đời Lê Lợi vẫn còn giữ như vậy sau An Phủ Sĩ Lê Phúc Hiến mới bỏ.

Chuyện như là luật nhân quả - số là Ngô Nhật Khánh một trong 12 sứ quân bị Đinh Tiên Hoàng đánh bại, Đinh tiên Hoàng lấy mẹ của Nhật Khánh làm vợ, lấy em gái Khánh gả cho con trai mình là Đinh Liễn, gả con gái cưng của mình cho Khánh, ý muốn dập tắt lòng oán vọng của Khánh > Nhật Khánh bề ngoài cười nói như không, nhưng trong lòng vẫn bất bình, bèn đem cả vợ chạy sang Chiêm Thành đến cửa biển Nam Giới (Hà Tĩnh) rút dao ngấn xẻo má vợ kể tội rằng : " Cha mày ức hiếp mẹ con ta lẽ nào ta vì mày mà quên tội ác của cha mày hay sao ? cho mày trở về ta đi.. " Sau nghe tin Đinh tiên Hoàng chết, Khánh dẫn người Chiêm vào cướp.

Lê Hoàn lên ngôi thiên tử - tháng 8 năm Canh Thìn (980) vua Tống sai Lư Đa Tốn đem thư sang dụ hàng lời lẽ ngạo mạn đồng thời cử Hầu Nhân Bảo, Tôn Toàn Hưng, Hác Thủ Tuấn, Thôi Lương... chia quân làm bốn hướng tấn công xâm lược nước ta.

Tối hậu thư nói rằng : “Trung Hoa đối với Man Di cũng như thân người có tứ chi, vận động duỗi co tùy ở tim mình, cho nên nói tim là chủ.

Nếu ở một tay một chân mà mạch máu ngưng đọng, gân cốt không yên thì phải dùng thuốc thang để chữa. Chữa mà không công hiệu thì lại phải châm cứu cho kỳ khỏi, không phải là không biết thuốc thang thì đấng miệng mà châm chích thì rách da. Phải làm như thế là vì tổn hại ít mà lợi ích nhiều. Kẻ làm vua thiên hạ cũng phải làm như vậy chẳng ? Cho nên Thái Tổ Hoàng Đế ta nhận ngôi do nhà Chu nhường, đổi tên nước là Tống, văn vật trong sáng, một phen biến đổi theo xưa, ở ngôi đế vương mà nhìn Man Di mắc bệnh. Cho nên, năm thứ nhất, thứ hai thì thuốc thang cho các đất Kinh, Thục, Tương, Đàm, năm thứ ba thứ tư thì châm cứu cho các miền Quảng, Việt, Ngô, Sở gân cốt huyết mạch ra dáng trẻ con, có phần khỏe mạnh.

Không do cơ trí thần diệu sáng suốt của bậc vương giả mà trù liệu được đến thế ư ? Đến khi ta nối giữ cơ nghiệp lớn, đích thân coi chính sự, cho rằng đất Phần đất Tinh là bệnh ở lòng , nếu lòng bệnh chưa chữa khỏi thì làm sao chữa nổi tứ chi ? Vì thế mới luyện thuốc than bằng nhân nghĩa, sửa đổi châm cứu bằng đạo đức, hết sức chữa cho các đất Phần, đất Tinh, chỉ một lần là khỏi bệnh, chín châu bốn biển đã mạnh lại

yên. Chỉ có Giao Châu của người ở xa cuối trời, thực là ngoài năm cõi. Nhưng phần thừa của tứ chi ví như ngón tay ngón chân của thân người, tuy chỉ một ngón bị đau, bậc thánh nhân lại không nghĩ đến hay sao? Cho nên phải mở lòng ngu tối của người để thanh giáo của ta trùm tỏa, người có theo chăng? Huống chi từ thời Thành Chu, nước người đã đem chim trĩ trắng sang dâng đến thời Viêm Hán dựng cột đồng làm mốc, cho đến thời Lý Đường, vẫn thuộc về nội địa. Cuối thời Đường thì nhiều họa nạn, chưa kịp xử trí. Nay thánh triều lòng nhân trùm khắp muôn nước, cơ nghiệp thái bình nghĩ cũng đã thịnh. Lễ phân phòng đã sắp đặt sẵn, còn đợi người đến chúc sức khỏe của ta. Người đừng ru rú trong bốn góc nhà khiến cho ta buồn phiền phải chém cờ bỗ so làm cỏ nước người hối sao cho kịp? Dù cho sông nước người có ngọc, ta vớt xuống suối; núi của người sẵn vàng, ta ném vào bụi (để thấy) chẳng phải ta tham của báu của nước người. Dân của người hay bay nhảy (ý nói sống hoang dã) còn ta thì có ngựa xe; dân của người thì uống mồi (nay còn người man ở miền núi rừng Giao Quảng vẫn còn tục ấy) còn ta thì có cơm rượu để thay đổi phong tục của người; dân người thì bắt tóc còn ta thì có áo mũ, dân người nói tiếng chim còn dân ta thì có Thi, Thư để dạy lễ cho dân người. Cối nóng chói chang, khói hơi mù mịt, ta tỏa mây Nghiêu tưới cho mưa ngọt. Khí biển hầm hập, cháy mày chảy đá, ta gảy đàn Thuấn quạt làn gió thơm. Sao trên trời nước người chẳng ai biết tên gì, ta quay chòm tử vi để người biết châu về. Đất người nhiều ma quỷ, ai cũng sợ chúng quấy, ta đã đúc vạc lớn để yểm trừ, khiến chúng không làm hại. Ra khỏi đảo di của người mà xem nhà Minh đường, Bích ung chẳng? Trút áo quần cỏ lá của người mà mặc áo cổn hoa thêu hình rồng núi chẳng?

Người có theo về hay không, chớ mau chuốc lấy tội. Nay ta đang chinh đồn saxe cộ, quân lính, truyền hiệu lệnh chiêng trống. Nếu chịu theo giáo hóa, ta sẽ tha tội cho, nếu trái mệnh ta sẽ sai quân đánh. Theo hay chống, lành hay dữ tự người xét lấy..."

Năm 981 Lê Hoàn thống lĩnh quân binh chặn đánh quân Tống. Hầu Nhân Bảo, Tôn Toàn Hưng đến Lạng Sơn, Trần Khâm Tộ đến Tây Kết, Lưu Trừng đến sông Bạch Đằng - Lê Đại Hành sai quân đóng cọc ngăn sông. Quân Tống lui ở sông Chi Lăng (Sông Thương chảy qua vùng Chi Lăng) vua sai quân sĩ trá hàng dụ Hầu Nhân Bảo, nhân đó bắt được Nhân Bảo đem chém.

Bọn Khâm Tộ nghe thủy quân thua trận, rút ngay về, quân ta tấn công tới tấp, giặc chết đầy đồng, hơn quá nửa quân số. Bắt tướng giặc là Quách Quân Biện, Triệu Phụng Huân đem về Hoa Lư. Từ đó trong nước rất yên. Vua Tống xuống chiếu rút quân về sai sứ quở trách bọn Lưu Trừng, Giả Thực, Vương Soạn, Trừng ốm chết, Soạn bị giết ở Ung Châu, Tôn Hoàn Hưng cũng bị giết bêu ở chợ.

Lê Đại Hành sửa sang việc nước, coi sóc chính trị, chuẩn bị quân lương hỏi tội Chiêm Thành. Sai Ngô Tử An đem 3 vạn người mở đường bộ từ cửa biển Nam Giới đến Châu Địa Lý (922).

Năm 982 vua thân đi đánh Chiêm Thành, trước đó vua sai Từ Mục và Ngô Tử Canh sang sứ Chiêm Thành, bị người Chiêm bắt giữ vua giận nên cho quân đi đánh -

chém chết vua Chiêm là Bê Mi Thuế, Chiêm Thành thua to, bắt được quân sĩ của chúng nhiều vô kể cùng là kỹ nữ trong cung trăm người và một nhà sư Thiên Trúc. Lấy các đồ quý đem về, thu được vàng bạc quý báu kể hàng vạn, san phẳng thành trì, phá hủy tông miếu vừa một năm thì về kinh sư.

Năm 986 sai sứ sang thông hiếu với nhà Tống, năm 985 xin Tống phong chức Tiết Trấn đến 995 phong làm Giao Chỉ Quận vương.

Năm 987 Tống sai Lý Giác, khi Lý Giác đến chùa Sách Giang vua sai Pháp sư Thuận giả người coi sông ra đón - Cùng với Giác ngâm vịnh thơ văn - Giác lấy làm kính phục.

Năm 983 cho đào kênh để thuyền bè đi lại thuận tiện.

Năm 894 vào mùa xuân tháng 2 cho đúc tiền Thiên Phúc, làm nhiều cung điện nhà cửa, dựng điện Bách Bảo Thiên Tuế ở núi Đại Vân. Cột giác vàng bạc làm nơi coi châu, phía Đông là điện Phong Lưu, Tây là điện Tử Hoa, bên tả là điện Bồng Lai, hữu là điện Cực Lạc, tiếp đó làm lầu Đại Vân, dựng tiếp điện Trường Xuân làm nơi vua nghỉ.

Vua lập một lân 5 hoàng hậu - Ngô Sĩ Liên nói : "Đại Hành thông dâm với vợ vua đến chỗ nghiễm nhiên lập làm hoàng hậu, mất cả lòng hổ thẹn...".

Đối với Tống thì Đại Hành đã làm Tống Triều phải lo nghĩ..Năm 994 cho quân Việt sang đánh. Trấn Như Hồng thuộc Khâm Châu, đánh châu Tô Mạn. Rồi lại đánh Ung Châu.

Lê Đại Hành đã từng nói với sứ Tống là Lý Nhược Quyết rằng : "...Nếu giao Châu có ý làm phản thì đầu tiên là đánh vào Phiên Ngung thứ đến đánh Mân Việt, há chỉ dừng lại ở trấn Như Hồng mà thôi" vua nói xong mới cúi đầu tạ lỗi.Coi thế đủ biết Đại biết Đại Hành cũng là một tay cự phách khôn khéo.

Năm 1005 mùa xuân tháng 3 vua băng ở điện Trường Xuân.

TRUNG TÔNG HOÀNG ĐẾ (1005)

Tên húy là Long Việt, con thứ ba của Lê Đại Hành, mẹ là Hậu Di Nữ. người Chiêm Thành) Lên ngôi được 3 ngày thì bị em cùng mẹ là Long Đĩnh giết, thọ 23 tuổi (983-1005). Vua không biết phòng giữ từ khi mới chớm, đến nỗi bị hoạn nạn, tính nhân hậu nhưng không biết làm vua, tiếc thay !

NGỌ TRIỀU HOÀNG ĐẾ (1005-1009)

Tên húy là Long Đĩnh, lại có tên là Chí Trung, con thứ năm của Đại Hành ở ngôi 4 năm, thọ 24 tuổi (986-1009), băng ở tắm điện. Vua làm việc càn dỡ, giết vua cướp ngôi, thích dâm dăng, tàn bạo, muốn không mất nước sao được ?

Ngọ Triều cho lập 4 hoàng hậu.

Năm 1006 sửa đổi quan chế và triều phục của các quan văn võ và tăng đạo theo đúng như nhà Tống.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục, Chính biên, quyển 1 trang 274 chép: " Đinh Mùi (1007) Mùa xuân Long Đĩnh sai em là Minh Xưởng và Chương thư ký là Hoàng Thành Nhã đem con tê trắng sang biếu nhà Tống, dâng biếu xin cửu kinh và kinh sách Đại Tạng "

Năm 1009 vua đi Ái Châu đến sông Vũ Lung, tục truyền người lội qua sông này phần nhiều bị hại bèn xuống chiếu đóng thuyền để ở các bên sông để chở người qua lại, tháng 7 năm này cho sửa chữa đường từ sông Châu Giáp đến cửa biển Nam Giới để đi lại.

Vua tính hiếu sát, phàm người bị hành hình hoặc sai lấy cỏ tranh quấn vào người mà đốt, hoặc sai kếp hát người Tống là Liêu Thủ Tâm lấy dao ngắn, dao cùn xẻo từng mảnh, hoặc cho người chìm xuống nước cho chết, hoặc bắt treo lên cây rồi đốn ngã cây. Những nơi sông ngòi rấn rít nhiều thì bắt người lội vào mạn thuyền để cho cắn chết. Vua muốn ăn thịt bò lợn thì tự tay chọc tiết, có lần róc mía trên đầu sư, giả làm rơi dao cho chảy máu rồi cười. Làm tiệc toàn thịt mèo chó mời các thân vương ăn uống xong lấy đầu mèo giơ lên cho xem ai cũng khiếp hãi vua lấy làm thích. Lấy thạch sùng làm gỏi bắt bọn khai khá tranh nhau ăn, lại lấy rắn bó vào quần phụ nữ để dọa chơi. Những điều đó làm vua thích chí.

Trong Đại Việt Sử Ký Tiền Biên của Ngô Thì Sĩ Bản kỷ, Quyển I, trang 39a chép: "...Long Đĩnh lại xin (Nhà Tống) thông thương với Ung Châu, vua Tống chỉ cho thông thương với Châu Liêm và Trại Như Hồng, vì Ung Châu là nơi không nằm ở biên giới, nên không cho "

Chỉ trong 4 năm cầm quyền cho đến trước khi chết đã 5 lần tự tay cầm quân đánh giặc

Lần thứ nhất (năm 1005) dẹp tan bạo loạn giữa các anh em thu phục mọi người ĐVSKTT trang 233 chép "...Từ đấy về sau các Vương và giặc cướp đều hàng phục "

Lần thứ hai (1005) Khi quan quân đang đánh nhau với người ở trại Phù Lan chợt thấy trạm báo tin là giặc Cử Long vào cướp đã đến cửa biển Thần Đầu (Ninh Bình) Vua về đến sông Tham, đi sang Ái Châu để đánh giặc Cử Long

Lần thứ ba (1008) Đánh người Man ở hai châu Đô Lương và Vị Long

Lần thứ tư (1008) Đánh giặc ở Hoan châu và châu Thiên Liâu

Lần thứ năm (1009) Tháng 7 vua đi đánh giặc ở các châu Hoan Đường và Thạch Hà

Vào Đông tháng 10 năm Kỷ Dậu 1009 vua băng ở tẩm điện gọi là Ngọa Triều vì vua mắc bệnh trĩ phải nằm mà coi châu."

Nhà Lê làm vua được 29 năm (981 - 1009) gồm Lê Đại Hành, Lê Trung Tông và Lê Long Đĩnh.

LÝ THÁI TỔ (1010-1028)

Lý Công Uẩn là người Châu Cổ Pháp, Bắc Giang mẹ họ Phạm đi chơi chùa Tiêu Sơn cùng với người Thần giao hợp rồi có chữa - vua sinh ngày 12 - 2 năm Giáp Tuất (974) lớn lên làm quan nhà Lê thăng đến chức Điện tiền chỉ huy sứ đến khi Ngọa triều băng tự lập làm vua đóng đô ở Thăng Long - Lúc nhỏ vua được Lý Khánh Văn nhận làm con nuôi, khi sư chùa Lục Tổ là Vạn Hạnh khen và tiên đoán rằng sau này sẽ làm minh chủ trong thiên hạ. Xuất thân thờ Lê Trung Tông, Đại Hành băng, Lê Trung Tông bị giết Lý Công Uẩn ôm xác vua mà khóc, Ngọa triều khen là người trung cho làm Tứ sương quân phó chỉ huy sứ đến khi Ngọa triều băng bèn lên ngôi Hoàng đế đổi niên hiệu Thuận Thiên (909) lập 6 hoàng hậu sách lập con trưởng là Phật Mã làm hoàng thái tử, các con khác đều phong tước hầu, có 13 con gái, gả con trưởng cho Đàm Cam Mộc - Vua đóng đô ở thành Thăng Long. Ở ngôi 18 năm (1010-1028) băng ở điện Long An, táng ở Thọ Lăng. Vua ứng mệnh trời, thuận lòng người, nhân thời mở vận là người khoan thứ nhân từ, tinh tế hoà nhã, có lượng đế vương. Song chưa làm sáng chính học, lại ưa thích dị đoan, bị lụy vì chuyện đó. Thọ 55 tuổi ở ngôi 18 năm.

Lý Công Uẩn ra lệnh đốt giềng lưới, bãi ngục tụng xuống chiếu từ nay có chuyện tranh kiện cho đến triều tâu bày vua thân xét quyết.

Các quan dâng tôn hiệu là “Phụng thiên chí Lý ứng vận tự tái Thái Minh Long... Tắc Thiên Đạ chính Hoàng Đế”, Tôn hiệu này dài 52 chữ.

Năm 1010 ra lệnh cho các kẻ trốn tránh lâu nay được phép trở về quê cũ. Đại xá các thuế khóa cho thiên hạ trong 3 năm. Những người mồ côi, góa chồng, già yếu thiếu thuế các năm trước đều tha cho cả, nơi nào đổ nát cho xây sửa lại, cấp áo quần lương thực thuốc men cho lính người Nam Chiếu được trở về quê cũ.

Năm Canh Tuất (1010) vua thấy thành Hoa Lư ầm thấp chật hẹp không đủ chỗ ở của hàng Đế vương muốn dời đi nơi khác nên viết chiếu dời đô đến thành Đại La... “Đại La, đô cũ của Cao vương ở giữa khu vực trời đất, được thế rồng cuộn hổ ngồi. Chính giữa Nam Bắc Đông Tây, tiện nghi núi sông sau trước. Vùng này mặt đất rộng mà bằng phẳng thế đất cao mà sáng sủa, dân cư không khổ, thấp trung, tối tăm, muôn vật hết sức tươi tốt phồn thịnh xem khắp nước Việt đó là nơi thắng địa thực là chỗ hội quan yếu bốn phương đúng là nơi thượng đô kinh sư mãi muôn đời. Trẫm muốn nhân địa lợi ấy mà định nơi ở các khanh nghĩ thế nào?”

Mùa Thu tháng 7 năm ấy khi thuyền ngự đến thành Đại La có rồng vàng hiện lên nhân đó mà đổi tên là thành Thăng Long, đổi Châu Cổ Pháp là phủ Thiên Đức, xây dựng các công trình kiến trúc trong kinh thành Thăng Long. Phía trước dựng điện Càn Nguyên để coi châu, tả là điện Tập Hiền, hữu là điện Giảng Võ, cửa Phi Long thông với cung Nghênh Xuân, cửa Đan Phượng thông với cửa Uy Viễn, hướng chính Nam dựng điện Cao Minh. Sau điện Càn Nguyên dựng hai điện Long An và Long

Thúy làm nơi vua nghỉ bên tả xây điện Nhật Quang, bên hữu là điện Nguyệt Minh phía sau là cung Thúy Hoa - thành có bốn cửa :- Đông là Tương Phù- Tây là Quảng Phúc- Nam là Đại Hưng- Bắc là Diêu Đức

Trong thành có chùa Ngự Hưng Thiên và lầu Ngũ Phượng, ngoài thành phía Nam có chùa Thắng Nghiêm.

Năm 1013 định lại các loại thuế trong nước : thuế ao hồ ruộng đất, thuế tiền và thóc về bãi dâu, thuế sản vật ở núi nguồn ở các phiên trấn... tính đến năm 1019 tha 5 lần thuế cho dân.

Năm 1020 sai con là Lý Phật Mã đem quân đi đánh Chiêm Thành ở trại Bồ Chính. Người Chiêm chết quá nửa.

Năm 1022 sai con là Dực Thánh Vương đi đánh Đại Nguyên Lịch quân ta đi sâu vào trại Như Hồng trong đất Tống đốt kho đạn ở đó rồi về.

Tháng 2.1011 thắng giặc Cư Long ở Ái Châu. vua thân chinh đi tiêu trừ.

Vua là người rất mộ đạo. Năm 1010 phát bạc ở kho 1680 lạng để đúc chuông lớn treo ở chùa Đại Giác, rồi chùa Hưng Thiên.

Năm 1021 cho sửa lại kinh thành Thăng Long.

Năm 1027 xuống chiếu cho chép kinh Địa Tạng.

Tháng 3 năm Mậu Thìn (1028) Lý Thái Tổ mất.

LÝ THÁI TÔNG (1028-1045)

Tên húy là Phật Mã, một tên khác là Đức Chính, con trưởng của Thái Tổ. Mẹ là hoàng hậu họ Lê, sinh vua vào ngày 26 tháng 6 năm Canh Tý, niên hiệu Ứng Thiên năm thứ 7 (1000) thời Lê, ở phủ Trường Yên. Thái Tổ được nhường ngôi, lập làm Đông Cung thái tử. Khi Thái Tổ băng, nhờ có Phụng Hiểu trung dũng, đồng lòng cứu nạn, lên ngôi hoàng đế, ở ngôi 27 năm (1028-1054) băng ở điện Trường Xuân. Vua là người trầm mặc cơ trí, biết trước mọi việc giống như Hán Quang Vũ đánh đầu được đấy, công tích sánh với Đường Thái Tông. Nhưng người quân tử còn lấy việc khoe khoang thái quá để chê trách vua chưa hiền..

Lý Phật Mã vâng theo di chiếu lên ngôi, nhưng 3 em trai muốn đoạt ngôi của anh đem quân vào cấm thành định giết Lý Phật Mã, nhưng bị Phụng Hiểu, Lý Nhân Nghĩa dẹp tan, giết chết Vũ Đức Vương, tha mạng cho 2 đứa còn lại là : Đông Chinh và Dực Thánh. Lý Phật Mã lên ngôi lấy hiệu là Thái Tông Hoàng Đế ở ngôi 27 năm thọ 55 tuổi có 7 hoàng hậu.

Vua là người trầm mặc cơ trí biết trước mọi việc, bản tính nhân từ, sáng suốt, đĩnh ngộ, thông hiểu đại lược, văn võ còn như lục nghệ lễ nhạc, ngự xa, thư số không môn nào là không tinh thông am tường. Vừa lên ngôi vua xuống chiếu cho lấy tiền lụa ở kho lớn ban cho thiên hạ. Sau đó đem quân đi dẹp loạn ở Phủ Trường Yên. Năm sau thân chinh đi đánh giáp Đản Nãi cho Đông Cung thái tử ở lại kinh sư làm Giám Quốc.

Sách phong cho hoàng tử Nhật Tôn làm Đông Cung thái tử cho xây lại kinh đô Thăng Long. Phá điện Càn Nguyên làm thành điện Thiên An bên tả là điện Tuyên Đức, hữu là Diên Phúc, trước thềm Thiên An là Long Trì (thềm rồng) phía Đông là điện Văn Minh phía Tây là Giảng Vũ hai bên thềm rồng có đặt lâu chuông để dân chúng ai có việc kiện tụng oan uổng thì đánh chuông lên. Phía trước có điện Phụng Thiên trên điện này có lầu Chính Dương làm nơi trông coi tính toán giờ giấc, phía sau là điện Trường Xuân trên dựng gác Long Hồ, bên ngoài đắp một lâu thành bao quanh gọi là Long Thành.

Trong 27 năm trên ngôi vua thân chinh cầm quân đi đánh tất cả là 8 lần.
Năm 1029 : đánh giặc ở Đản nải.
Năm 1031 : đánh ở Châu Hoan.
Năm 1033 : đánh châu Đinh Nguyên
Năm 1033 : đánh châu Tuệ Nguyên
Năm 1035 : Khi đi , vua tiên đoán là đại tướng Nguyễn Khánh sẽ làm phản, đúng như lời tiên đoán của vua , Khánh đã làm phản. Vua xuống chiếu bắt giam đóng cũi giải về kinh sư. Tháng sau vua trở về kinh đô
Năm 1037 : vua đi đánh đạo Lâm Tây mất hết 2 tháng.
Năm 1039 : đánh Tôn Phúc.
Năm 1044 : vua thân chinh đi đánh Chiêm Thành – ở phía Nam là bờ sông Ngũ Bò (Thừa Thiên) quân Chiêm Thành bày binh bố trận vua cho quân đổ bộ tắt ngang sông tấn công, Chiêm Thành tan vỡ trận đó chém được 8 vạn thủ cấp, Quách Gia Di là tướng của Chiêm Thành chém đầu vua Chiêm là Sạ Dấu tại trận, Quân ta đoạt được 30 voi, bắt sống 5 nghìn người còn thì bị quan quân giết chết máu nhuộm gươm giáo, xác chất đầy đồng vua tỏ ý đau buồn xuống lệnh nào giết bậy người Chiêm Thành thì sẽ giết không tha..."

Năm 1042 : Soạn xong bộ Hình Thư.
Năm 1034, 1037, 1043 : cho đóng chiến thuyền.
Năm 1029 và 1050 cho đào kênh Oản Nải khi vua đi đánh ở đó, vét nạo kênh Lãm, ra lệnh cho đắp mố, cấm biển đê tên chỉ dẫn đường xá cho khách bộ hành và phương xa biết.

Năm 1035 cho đặt trạm Hoài Viễn dùng cho các quan viên có việc đi xa, hoặc người ngoại quốc tạm ở khi đi công tác. Cho bắc cầu ngang sông Tô Lịch.
Năm nào vua cũng đến Tín Hương ở Đổ Đông Giang cày ruộng tịch điền.

Năm 1040 vào tháng 2 vua dạy cho các cung nữ dệt được gấm vóc, tháng ấy xuống chiếu phát hết gấm vóc của nước Tống trong kho ra để may áo cho các quan từ ngũ phẩm trở lên áo bằng gấm, từ cửu phẩm trở lên thì áo bằng vóc – từ đó vua không dùng gấm vóc của nước Tống nữa.

Cho con là Hoàng Vương chấp cung xét hỏi, cho dự việc triều chính cho quen với công việc, tập tính cho con được thuần việc quốc gia.

Vua Lý Thái Tông có những việc là có ý nghĩa về sau được coi là ông tổ của nền ca nhạc kịch của nước ta. Ông đã chế biến những tấu khúc Chiêm Thành ra loại âm nhạc mang sắc thái của dân Việt Thường. Vua mất ngày 1-10 năm Giáp Ngọ (1054).

LÝ THÁNH TÔNG (1054-1072)

Tên húy là Nhật Tôn, con trưởng của Thái Tông. Mẹ là Kim Thiên thái hậu họ Mai, khi trước chiêm bao thấy mặt trăng vào bụng rồi có mang, ngày 25 tháng 2 năm Quý Hợi, Thuận Thiên thứ 14 (1023) sinh vua ở cung Long Đức. Năm Thiên Thành thứ nhất(1028) được sách phong làm Đông Cung thái tử. Thái Tông bèn lên ngôi báu, ở ngôi 17 năm (1054-1072) thọ 50 tuổi (1023-1072) băng ở điện Hội Tiên.

Vua khéo kế thừa, thực lòng thương dân, trọng việc làm ruộng, thương kẻ bị hình, vỗ về thu phục người xa, đặt khoa bác sĩ, hậu lễ dưỡng liêm, sửa sang việc văn, phòng bị việc võ, trong nước yên tĩnh đáng gọi là bậc vua tốt. Song nhọc sức dân xây tháp Báo Thiên, phí của dân làm cung Dâm Đàm, đó là chỗ kém.

Mùa thu năm 1070 sai làm Văn Miếu, đắp tượng Khổng Tử, Chu Công và Tứ Phối, vẽ tượng thất thập nhị hiền cho hoàng thái tử đến học tại đây.

Tháng 4.1056 cho xây chùa Sùng Khánh Báo Thiên phát 1 vạn 2 nghìn cân đồng để đúc chuông vua thân làm bài minh để khắc trên chuông.

Mùa Đông, tháng 10 năm Ất Mùi (1055) nhắm lúc tiết Đại Hàn vua bảo các quan rằng : "Trẫm ở trong cung sưởi than xương thú, mặc áo lông chôn còn rét thế này nghĩ đến người tù bị giam trong ngục, khổ sở về gôm cùm, chưa rõ gian ngay, ăn không no bụng, mặc không kín thân, khốn khổ vì gió rét, hoặc có kẻ chết không đáng tội, trẫm rất thương xót vậy lệnh cho hữu ty phát chẩn chiếu và cấp cơm ngày hai bữa...".

Tháng 4 năm 1064 vua ngự ở điện Thiên Khánh xử kiện khi ấy công chúa Động Thiên đứng hầu bên cạnh vua chỉ công chúa và bảo ngược lại rằng: "... Ta yêu con ta cũng như lòng ta làm cha mẹ dân, dân không hiểu biết mà mắc phải hình pháp, Trẫm rất thương xót, từ nay về sau không cứ gì tội nặng hay nhẹ đều nhất luật khoan giải".

Tháng 4 đại hạn năm 1070 vua ra lệnh chẩn cấp cho dân nghèo. Mùa xuân tháng 3 năm Kỷ Hợi (1059) vua đánh vào Châu Khâm nước Tống, khởi binh uy rồi về vì ghét nhà Tống phản phúc.

Năm 1069 vua thân đi đánh Chiêm Thành bắt được vua nước ấy là Chế Củ và dân chúng 5 vạn người - Chế Củ xin dâng ba châu Địa Lý (Quảng Bình), Ma Linh (Quảng Trị), Bố Chính (phía Tây tỉnh Quảng Trị).

Năm 1056, sai làm chùa Sùng Khánh Báo Thiên phát một vạn hai nghìn cân đồng để đúc chuông. Vua có làm một bài Minh Văn để khắc trên chuông. '

Mùa thu tháng tám (1057) cho phiên dịch các nhạc khúc và các điệu đánh trống của Chiêm Thành, lập ra đoàn nhạc để tập luyện ca hát.

Năm 1059, vua ngự ở điện Thủy Tinh, cho các quan vào chầu, truyền các quan phải đội mũ phốc đầu tức mũ cánh chồn, đi hia, áo quần chỉnh tề mới được vào chầu. Phàm phục triều nghi có từ đó.

Vua đã 40 tuổi mà không có con trai, trong một chuyến du xuân thường ngoạn cảnh chùa, xa giá đi đến đâu, trai gái nô nức đổ xô đến xem không ngớt duy có một cô gái hái dâu cố đứng nép trong bụi cỏ lan. Vua trông thấy gọi đưa vào cung, được vua yêu mến phong làm Ý Lan phu nhân, sau đó Ý Lan có thai và sinh ra thái tử Càn Đức và hoàng tử Minh Nhân Vương.

Mùa xuân tháng giêng 1072 vua băng hà ở điện Hội Tiên,

LÝ NHÂN TÔNG (1072-1127)

Húy Càn Đức, con trưởng của Thánh Tông, mẹ đẻ là thái hậu Linh Nhân sinh vua ngày 25 tháng giêng năm Bính Ngọ, Long Chương Thiên Tự thứ 1 (1066), ngày hôm sau lập hoàng thái tử. Thánh Tông băng, vua lên ngôi hoàng đế, ở ngôi 56 năm (1072-1127) thọ 63 tuổi (1066-1127) băng ở điện Vĩnh Quang. Vua trán dô mặt rộng, tay dài quá gối, sáng suốt thần võ, trí tuệ hiếu nhân, nước lớn sợ, nước nhỏ mến, thần giúp người theo, thông âm luật, chế ca nhạc, dân được giàu đông, mình được thái bình, là vua giỏi của triều Lý.

Càn Đức lên ngôi lúc đó mới 7 tuổi đổi niên hiệu Thái Ninh, Lý Đạo Thành làm thái sư, Ý Lan và Dương hoàng thái hậu buông rèm cùng nghe chính sự.

Năm 1073, tôn Ý Lan làm Linh Nhân hoàng thái hậu. Linh Nhân có tính ghen, cho mình là mẹ đẻ mà không được dự chính sự mới lên kêu với vua rằng "Mẹ già khó nhọc mới có ngày nay mà bây giờ..." Vua bèn sai đem giam Dương Thái Hậu và 72 người thị nữ vào cung Thượng Dương rồi bức tử, chôn theo lăng Thánh Tông.

Mùa xuân năm 1075 xuống chiếu tuyển Minh Kinh bác học và thi Nho học tam trường. Lê Văn Thịnh trúng tuyển được cho vào hầu dạy vua học. Về sau thăng dần lên chức Thái sư.

Năm 1096 mưu phản bị bại lộ, vua tha chết vì nghĩ Thịnh là đại thần có công giúp đỡ lại là thầy giáo nên không nỡ giết, chỉ đày lên trại Thao Giang.

Năm 1086 thi người có văn học, Mạc Hiến Tích trúng tuyển bổ làm Hàn lâm học sĩ.

Mùa đông năm 1087, vua ngự đền chùa Lam Sơn, ban đêm ban yến cho các quan, làm 2 bài thơ tên là "Lâm sơn dạ yến".

Năm 1074, cho phép các lão thần được ngồi hoặc chống gậy khi vào chầu.

Năm 1076, 1086 mở các khoa thi để chọn nhân tài trong các môn thi có môn Tính toán, và luật hình phân định rõ ràng dốt giỏi '

Năm 1078, sửa chữa lại thành Thăng Long..

Năm 1084, cho phép nung ngói để lợp nhà đồng thời hội đàm với nhà Tống để định lại mốc biên giới.

Năm 1075, Vương An Thạch nhà Tống tâu với vua Tống rằng nước ta bị Chiêm Thành đánh phá, quân đội lại chưa đầy 1 vạn, có thể dùng kế lấy được. Vua Tống sai Thẩm Khởi, Lưu Di dẫn binh.

Vua Lý Nhân Tông biết tin, sai Lý Thường Kiệt, Tôn Đản đem hơn 10 vạn ứng chiến. Thường Kiệt đánh Châu Khâm, Liêm; Đản vây thành Ung. Đô giám Quảng Tây nhà Tống là Trương Thủ Tiết đem quân đến cứu. Thường Kiệt đón đánh ở cửa ải Côn Lôn, phá tan và chém Thủ Tiết tại trận. Tri Ung Châu là Tô Giám cố thủ, không hàng. Quân ta đánh đến hơn 40 ngày, chông bao đất trời lên hạ được thành. Giám cho gia thuộc 36 người chết trước chôn xác vào hố rồi châm lửa tự thiêu. Lý Thường Kiệt giết hơn 58.000 ngàn người, cộng với số chết ở 2 châu Khâm, Liêm thì khoảng 10 vạn. Thường Kiệt còn bắt sống một số tù binh ở 3 châu kể trên đem về nước.

Năm sau (1076), vua Tống Hy Ninh xuống chiếu liên minh với Chiêm Thành và Chân Lạp đem quân Tống vào Đại Việt bị Lý Thường Kiệt đón đánh, đến sông Như Nguyệt thì đánh tan được quân Tống do tướng nhà Tống là Quách Quỳ và Triệu Tiết chỉ huy. Quỳ phải rút lui lấy châu Quảng Nguyên làm ranh giới. Người đời truyền rằng một đêm trong đền Trương tướng quân có tiếng đọc to rằng:

Nam quốc sơn hà Nam Đế cư

Tiệt nhiên định phận tại thiên thư

Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư

Quân sĩ cho đây là lời thần nhân nên càng nức lòng chống giặc. Bài thơ trên coi như một tuyên ngôn độc lập của nước ta.

Năm 1084, hội đàm định lại biên giới. Tống trả lại châu Quan Nguyên từ ba năm trước.

Năm 1087, nối lại giao hảo với nhà Tống. Vua truyền thả dân và binh lính bị bắt ở 3 châu Ung, Liêm, Khâm cho nước Tống.

Năm 1102, ngày lập xuân, tuyết rơi trắng xóa cả kinh thành.

Năm Giáp Thân 1104 mùa xuân tháng hai, sai Lý Thường Kiệt đánh Chiêm Thành, trước đây Lý Giác trốn sang Chiêm Thành có nói tình hình hư thực của nước ta. Vua Chiêm Thành là Chế Ma Na nhân thể đem quân vào cướp lấy đất ba châu Địa Lý, Ma Linh, Bố Chính mà Chế Củ đã dâng. Lý Thường Kiệt đánh thắng. Vua Chiêm lại dâng nộp đất.

Năm 1108, tháng hai cho đắp đê Cơ Xá tức là đoạn đê ở sông Hồng, gần cầu Long Biên hiện nay

Năm 1117 định rõ luật cấm giết trâu, kẻ nào mổ trâu bị đánh 80 trượng và bị đầy làm kẻ phục dịch trong quân đội

Vua rành thư pháp, năm 1118 có móc ngọc xuống, vua tự tay viết tám chữ "Thiên hạ thái bình thánh cung vạn tuế" vào bia và sai thợ khắc.

Do Lý Nhân Tông không có con trai nối nghiệp, nuôi con của em ruột mình là Sùng Hiền hầu Ý Lan thái hậu cho dựng chùa trước sau hơn 100 ngôi, tục truyền rằng

Ỡ Lan hối hận về việc giết chết Dương Thái Hậu và các thị nữ vô tội nên làm chùa để sám hối.

Tháng 7 năm 1117, Ỡ Lan chết, làm lễ hỏa táng và bắt 3 người hầu gái chôn theo. Ba năm sau, Lý Nhân Tông cất quân đi đánh động Ma Sai. Vua ngự thuyền Cảnh Hưng xuất phát từ bến Thiên Thư cờ xí rợp trời, gươm giáo rẽ sương, quân sĩ đánh trống hò reo... đánh tan và bắt tướng giặc ở động Ma Sa là Ngụy cùng vài trăm người khác, thu về vàng lụa, trâu dê không kể xiết. Vua sai các tỳ tướng vào các động dọc biên giới chiêu dụ...

Năm 1120, mở hội đèn Quảng Chiếu ở kinh thành.

Năm 1122, cấm mọi người không được dùng gậy tre, gỗ và đồ sắt nhọn để đánh nhau.

Mùa đông tháng 10/11 bắc cầu qua sông Ba Lạt.

Năm 1123 mở yến tiệc mùa xuân ở điện Suy Uyên đến mùa thu lại ban áo cho các quan.

Năm 1126, tháng giêng mở hội đèn Quảng Chiếu bảy ngày đêm. Vua xuống lệnh cấm dân chúng mùa xuân không được chặt cây

Vua không khỏe, gọi Thái úy Lưu Khánh Đàm vào nhận di chiếu rằng : "...Ta đã ít đức không lấy gì làm cho trăm họ được yên, khi chết đi lại khiến cho thứ dân mặc áo xô gai, sớm tối khóc lóc... làm lỗi ta thêm nặng... Việc tang thì chỉ 3 ngày, không xây lăng mộ riêng, nên để ta hầu bên cạnh Tiên đế. Than ôi ! Mặt trời đã xế, tấc bóng khó dừng, từ già cõi đời, nghìn thu vĩnh quyết, các người nên thực lòng kính lễ trời đất, bảo rõ cho các vương công bày tỏ trong ngoài...

Lý Nhân Tông chết ngày Đinh Mão năm 1127 ở điện Vĩnh Quang,

LÝ THẦN TÔNG (1128-1138)

Húy Dương Hoán, cháu gọi Thánh Tông bằng ông, gọi Nhân Tông bằng bác, con của Sùng Hiền Hầu do phu nhân họ Đỗ sinh ra. Khi mới lên 2 tuổi được nuôi trong cung, lập làm hoàng thái tử.

Thần Tông bèn lên ngôi báu, ở ngôi 11 năm (1128-1138) thọ 23 tuổi (1116-1138) băng ở điện Vĩnh Quang. Khi mới lên ngôi hãy còn trẻ dại, đến khi lớn lên tư chất thông minh, độ lượng nên việc sửa sang chính trị, dùng người hiền tài, thủy chung đều chính, nhiệm nhặt khúc nôi, không gì sai lệch. Tuy thân mang ác tật nhưng rồi chữa lành, cũng là nhờ có ý trời cả. Song quá thích điềm lành, tôn sùng đạo Phật, chẳng đáng quý gì.

Đổi niên hiệu Thiên Thuận phong Lưu Khánh Đàm làm Thái úy.

Vua lên ngôi năm 12 tuổi, làm vua được 11 năm, chết năm 23 tuổi (1116 - 1138)

Cử Lê Bá Ngọc làm Thái úy, mọi việc đều do thái úy quyết định. Vua thì thích tiền bạc, bọn quan lại muốn làm vừa lòng vua đem dâng nhiều thứ như năm 1129 thái

úy Dương Anh Nhĩ dâng hươu trắng, Hà Văn Quảng dâng hai khối vàng sống cân nặng 33 lạng 5 đồng cân, Mậu Du Đô dâng ngựa trắng bờm đen v.v...

Năm 1132, vua vừa 17 tuổi đã có 2 con là Thiên Lộc sau là Minh Đạo Vương và trưởng nữ...

Năm 1130 mùa xuân, vua xuống chiếu cho con gái các quan không được lấy chồng trước đời sau khi chọn vào hậu cung xong, người nào không trúng tuyển mới được đi lấy chồng.

Tính của Thần Tông dâm bôn ngu muội (1129) phép nước không nghiêm.

Năm Mậu Thân 1128, hơn hai vạn người Chân Lạp vào cướp bến Ba Đầu ở châu Nghệ An bị Lý Công Bình đánh tan.

Tháng 6 năm Mậu Ngọ 1138, hạn hán.

Ngày 26 tháng 9 năm Mậu Ngọ (1138) vua băng

LÝ ANH TÔNG (1138-1175)

Húy là Thiên Tộ, con đích trưởng của Thần Tông, mẹ là Hoàng hậu họ Lê, sinh tháng tư năm Bính Thìn, Thiên Chương Bảo Tự thứ 4 (1136), tháng 9 năm Mậu Ngọ (1138) lập làm Hoàng thái tử. Thần Tông băng bèn lên ngôi báu. Ở ngôi 37 năm (1138-1175) thọ 40 tuổi (1136-1175) băng ở điện Thụy Quang. Trong việc phế lập, vua không mê hoặc lời nói của đàn bà, ký thác được người phụ chính hiền tài có thể gọi là người không thẹn với việc gánh vác. Song không phân biệt được kẻ gian tà, hình phạt không sáng suốt, cho nên trời xuống tai biên để răn, giặc cướp nổi lên, giềng mối rối loạn, không thể nói xiết.

Hoàng thái tử Thiên Tộ lên ngôi, bấy giờ mới 3 tuổi. Đổi niên hiệu là Thiên Minh, tôn mẹ là Cảm Thánh phu nhân họ Lê lên làm Hoàng thái hậu. Thái hậu người không đoan chính sau tư thông với Đỗ Anh Vũ là em của Đỗ thái hậu...

Năm 1141, Thân Lợi tiếm xưng là Bình Vương có hơn 1000 người mà phao lên đến mấy chục vạn. Tháng 5, kéo quân về kinh sư, đánh nhau với quân Anh Vũ. Về sau, Tô Hiến Thành đánh bắt được Lợi giải về kinh sư và xử trảm cùng với hơn 20 đồ đảng.

Năm 1144, Đàm Hữu Lượng người nước Tống, trốn sang châu Tư Lang, dấy binh làm loạn ở biên giới Về sau Triệt Nguyệt bắt được Lượng.

Lý Anh Tông còn nhỏ tuổi nên tất cả việc triều chính ở trong tay Đỗ Anh Vũ. Vũ chuyên quyền lại tư thông với mẹ vua. Ở triều chính thì khoác lác, vung tay múa chân lớn tiếng; sai bảo các quan thì hất hàm ra hiệu, tự tiện ra vào cung cấm. Mọi người liếc nhìn nhau nhưng không dám nói.

Đỗ Anh Vũ là em của Đỗ Thái Hậu, tất cả việc lớn nhỏ đều ủy cho Vũ. Vũ sai vợ là Tô thị ra vào cung cấm do đó mà có việc đi lại tư thông với Lê thái hậu, mẹ vua Anh Tông

Vũ Đái và các quan đại thần bàn nhau ra lệnh bắt giam Anh Vũ. Anh Vũ và Lê thái hậu rút lót tiền vàng cho Vũ Đái nên chỉ xử Vũ làm Điền nhi (là người nhỏ cỡ ruộng) chỉ có Nguyên Dương bảo phải giết đi. Vũ Đái không nghe, sau Anh Vũ được vua tha, bắt đầu trả thù và thủ tiêu các địch thủ.

Sau khi phục chức vụ cũ, Đỗ Anh Vũ cho lập đội cận vệ gọi "Phụng quốc vệ" chuyên săn lùng bắt bớ, giết chóc các địch thủ.

Năm 1150 xuống chiếu cấm quần thần không được vào cung, cấm không được tụ họp quá ba người bàn luận chê bai, ai phạm thì trị tội, không có phép mà tự ý mang vũ khí thì tử hình. Tình trạng khủng bố gây kinh hoàng trong nhân dân chỉ chấm dứt sau khi Đỗ Anh Vũ chết.

Vua cho vời Tô Hiến Thành vào làm Thái úy

Tháng 2 năm 1162, Khảo khóa các quan văn võ, người nào đủ niên hạn khảo mà không có lỗi thì được thăng. 9 năm là một kỳ khảo.

Năm 1171 và 1172, vua đi tuần các hải đảo xem tình thế núi sông, dân tình và vẽ bản đồ.

Năm 1170, vua tập bắn và cỡi ngựa ở phía Nam thành Đại La, sai các quan võ cùng tập luyện hàng ngày bày sa bàn luyện tập các thế công, phá trận... để ôn tập.

Năm Kỷ Ty (1149) mùa xuân tháng 2, thuyền buôn của ba nước Trảo Oa (JavaNam Dương) ; Lô Lạc (La Hộc Thái Lan) ; Xiêm La xin cư trú buôn bán. Bèn cho lập trang trại ở hải đảo Vân Đồn để mua bán...

Long Xưởng là thái tử bị phế làm thứ dân và bắt giam vì thông dâm với cung phi của cha. Lập Long Trát mới hai tuổi làm hoàng thái tử. Bấy giờ có người thân ẵm Long Trát ra hầu, thấy vua đội mũ khóc đòi đội. Vua chưa kịp tháo mũ đưa cho thì khóc to hơn, đến khi cho đội thì cười, nhân thế vua quyết định cho Long Trát làm Hoàng thái tử.

Tô Hiến Thành làm Nhập nội Kiểm hiệu Thái phó Bình chương Quân quốc trọng sự.

Tháng 4 mùa hạ năm 1175, vua không khỏe, sai Tô Hiến Thành ẵm thái tử mà quyền nhiếp chính sự. Tháng 7 vua băng

LÝ CAO TÔNG (1175-1210)

Húy là Long Trát con thứ 6 của Anh Tông, mẹ là hoàng hậu họ Đỗ sinh ngày 25 tháng 5 năm Quý Tỵ, Chính Long Bảo Ứng thứ 11 (1173).

Năm Thiên Cảm Chí Bảo thứ 2 (1175) sách lập làm hoàng thái tử. Anh Tông băng, bèn lên ngôi báu ở ngôi 35 năm (1176-1210) thọ 38 tuổi (1173-1210) băng ở cung Thánh Thọ.

Vua chơi bởi vô độ, chính sự hình pháp không rõ ràng, giặc cướp nổi như ong, đói kém liền năm, cơ nghiệp nhà Lý từ đấy suy.

Lập thái tử Long Trát lên ngôi đổi niên hiệu Trinh Phù.

Năm sau (1176) vào tháng giêng, Tô Hiến Thành sắp đặt lại triều chính, đại xá thiên hạ.

Mùa xuân 1178, Chiêm Thành cướp Nghệ An bị đánh lui.

Tháng 3 năm 1179, khảo xét công trạng của các quan chia làm 3 loại - 1 có tài nhưng dốt chữ, có tài giỏi chữ, người tuổi cao hạnh thuận...

Cứ theo thứ tự trao cho nhiệm vụ trị dân, coi quân. Tô Hiến Thành mời thầy dạy cho ấu chúa, tuyển người mạnh khỏe sung vào quân đội.

Tháng 6 năm 1179 thái úy Tô Hiến Thành chết, vua bỏ ăn 3 ngày, nghỉ thiết triều 6 ngày. Tô Hiến Thành nhận việc ký thác con côi, hết lòng trung thành, khéo xử trí khi biến cố, tuy bị gió lay sóng dập mà vẫn đứng vững không thẹn với các đại thần thời xưa,

ĐỗAn Di lên thay làm phụ chính.

Năm 1181, lụt to, dân chết gần một nửa, người chết đói nằm gối lên nhau.

Năm 1200 mùa xuân tháng giêng, đem thóc chuẩn cấp cho người nghèo.

Năm Ất Ty 1185, vua treo bảng chiêu hiền đãi sĩ.

Năm 1203, vua Chiêm Thành là Bố Trì bị chú là Văn Bố Điền đuổi, đem vợ con cầu cứu vua, vua sai Thanh và Diên đi cứu nhưng bị giặc làm phản và giết chết.

Tháng 10/1195 mở khoa thi cho người từ 15 tuổi trở lên mà thông thi thư thì được vào hầu học ở ngự điện, Bùi Quốc Thái, Đãng Nghiêm và 30 người đỗ học kỳ thi này.

Năm 1190, sau khi ĐỗAn Di và Ngô Lý Toa chết thì Đàm Sĩ Mông được phong làm thái úy. Mông là người không có kiến thức tham ô, lấu cá, khi có biến thì theo giặc.

Năm 1192 cho đào sông Tô lịch.

Dân tình loạn lạc, biên trấn thì giặc giã nổi lên như rươi, thiên tai, hạn hán, đói kém bệnh dịch hoành hành. Trong triều thì vua ham chơi, rượu chè trác táng. Vua sai người cùng vua chế khúc nhạc Chiêm Thành, lấy đàn Kha Nhi, kèn Rhinai, trống Parenủng tạo thành một khúc nhạc réo rắc thấm sâu nghe mà nát lòng, xót ruột Vua tỏ ra thích nghiên cứu âm nhạc.

Năm 1207, Phạm Du làm phản, vua sai hoạn quan Phạm Bình Di đi đánh, Du thua chạy về Kinh, đem vàng bạc đút lót cho Cao Tông và nói xấu Di, Di trở về bị vua bắt đem chém cùng với con là Phi. Quách Bốc là bộ tướng của Di quá giận vì vua nuốt lời đã giết Di và Phụ bèn kéo quân tấn công cấm thành, đuổi vua và thái tử chạy dài. Tìm con thứ của Cao Tông tên là Thẩm Tôn lên ngôi. Bọn Đàm Sĩ Mông và Chính Lại đầu hàng Quách Bốc được giữ lại chức vụ cũ.

Bị đánh bức, Lý Cao Tông chạy ra mạn sông Quy Hóa, đến ở một làng chài lười, gặp nhà Trần Lý là một nhà giàu có của vùng ấy đời đời làm nghề chài lưới. Trần Lý cùng các anh em họ hàng giúp vua khôi phục lại giang sơn. Sau khi trở về triều Cao Tông vẫn rong chơi làm những việc vô đạo, việc triều đình phó mặc cho các quan.

Ngày 28 tháng 10 năm Canh Ngọ (1210) vua băng ở cung Thánh Thọ